

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh

Ông Nguyễn Công Lý

- Thư ký phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1483/2019/HNST ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX- HN ngày 13 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST- HN ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà HVõ Thị Hoài T, sinh năm 1976

Địa chỉ: 45 Lê Quang T, Phường 1, quận G, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1974

Hộ khẩu thường trú : Số 25 đường số 9 (số mới là số 35 Nguyễn Thị Minh Khai), phường 1, quận G, Thành phố H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2019; bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Võ Thị Hoài T trình bày:

Chị T và anh Phan Văn N tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố H ngày 20/4/2004 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2004. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường xuyên vắng nhà và không quan tâm đến vợ con, vợ chồng có quan điểm không phù hợp nên thường xuyên vợ chồng gây gổ lẫn nhau. Hạnh phúc

gia đình không đạt được như mong muốn. Tháng 9 năm 2019, chị T đã nộp đơn ly hôn và sau đó chị T đã rút đơn để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thể hàn gắn được. Chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 13/3/1995 và Phan Hoàng Bảo L, sinh ngày 03/11/1997 (đã trưởng thành) nên chị không yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T tự khai không có.

-Tòa án đã tiến hành xác minh; tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập lấy lời khai và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị T có đơn xin vắng mặt tuy nhiên chị vẫn bảo lưu ý kiến của chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 13/3/1995 và Phan Hoàng Bảo L, sinh ngày 03/11/1997 (đã trưởng thành) nên chị không yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T tự khai không có.

Anh Phan Văn N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Hoài T ly hôn với anh Phan Văn N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 13/3/1995 và Phan Hoàng Bảo L, sinh ngày 03/11/1997 (đã trưởng thành) và Chị T không yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T tự khai không có nên không xem xét. chị T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Hoài T khởi kiện bị đơn anh Phan Văn N đang cư ngụ tại địa chỉ số 25 đường số 9 (số mới là số 35 Nguyễn Văn Khối), Phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Phan Văn N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 05/3/2020, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc không thể tham gia phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố H cấp cho chị T và anh N ngày 20 tháng 4 năm 2004 thì hôn nhân của chị Võ Thị Hoài T và anh Phan Văn N là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2019, chị T yêu cầu ly hôn với anh N vì chị cho rằng anh N không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ, tính tình không hòa hợp vì vậy hạnh phúc gia đình không đạt được như mong muốn. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, do đó chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 07/5/2019 của Hội liên hiệp phụ nữ phường 9, quận G, Thành phố H nơi chị T và anh N chung sống phát sinh mâu thuẫn tại địa chỉ số 92 Lê Quang T, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thì được biết: “Trong thời gian chị Võ Thị Hoài T và anh Phan Văn N xảy ra mâu thuẫn từ năm 2005 do anh N không quan tâm, chăm sóc gia đình kéo dài đến tháng 11 năm 2018 thì anh N và chị T đã ly thân cho đến nay, hai người không còn sống chung tại địa chỉ số 92 Lê Quang T, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh”

Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”
Căn cứ vào đơn trình bày quá trình sống chung và phát sinh mâu thuẫn ngày 18/11/2019 thì chị T và anh N chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc do anh N thường xuyên vắng nhà không quan tâm gì đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Năm 2019, chị T làm đơn ly hôn và đến ngày 03/10/2019 Tòa án nhân dân quận G ra Quyết định đình chỉ vụ án số 1285/2019/ QD9ST-HNGĐ để chị và anh N trở về đoàn tụ tuy nhiên mâu thuẫn giữa chị T và anh N ngày càng trầm trọng hơn và chị không còn sống chung với anh N đã ly thân từ 2018 cho đến nay.

Cuộc sống vợ chồng không được cải thiện không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng là do anh N là người có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh N cũng không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh N không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh N trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh N không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân năm 2014 thì “Tòa án giải quyết cho ly hôn ...nếu có căn cứ về việc vợ chồng có vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ...mục đích hôn nhân không đạt được...” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 13/3/1995 và Phan Hoàng Bảo L, sinh ngày 03/11/1997 cả 2 đã trưởng thành và chị T không yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 18/11/2019 chị T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh N không đến Tòa án để Tòa án lấy lời khai của anh N về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân do đó sau này nếu anh N có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân anh N sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0001936 ngày 29/10/2019. Do đó chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận G, Thành phố H tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Hoài T và anh Phan Văn N. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố H cấp ngày 20 tháng 4 năm 2004 cho chị Võ Thị Hoài T và anh Phan Văn N không còn hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 13/3/1995 và Phan Hoàng Bảo L, sinh ngày 03/11/1997 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T tự khai không có.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0001936 ngày 29/10/2019. Do đó chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.H ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G
- Chi cục THADS quận G;
- Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)